

BỘ Y TẾ
CỤC PHÒNG, CHỐNG
HIV/AIDS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /AIDS-ĐT
V/v: triển khai điều trị VGC trên người
bệnh đồng nhiễm HIV/VGC

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Kính gửi:.....

Thực hiện Quyết định số 1207/QĐ-BYT ngày 09/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch triển khai điều trị viêm gan vi rút C (VGC) trên người bệnh đồng nhiễm HIV/vi rút viêm gan C do Dự án Quỹ toàn cầu phòng, chống AIDS, Lao và Sốt rét tài trợ giai đoạn 2021-2023 (Quyết định số 1207/QĐ-BYT), Cục Phòng, chống HIV/AIDS đã phân bổ thuốc điều trị VGC cho một số tỉnh/thành phố theo kế hoạch tiếp nhận thuốc của các cơ sở y tế.

Để đảm bảo sử dụng thuốc điều trị VGC hiệu quả, đúng quy định, Cục Phòng chống HIV/AIDS đề nghị Sở Y tế các tỉnh/thành phố thực hiện một số nội dung sau:

1. Thông báo chỉ tiêu điều trị thuốc viêm gan vi rút C cho từng cơ sở y tế căn cứ nhu cầu điều trị thực tế và chỉ tiêu điều trị viêm gan vi rút C của tỉnh quy định tại Quyết định số 1207/QĐ-BYT theo Phụ lục 1 đính kèm.

2. Chỉ đạo các cơ sở y tế đáp ứng tiêu chí điều trị thuốc VGC theo quy định tại Quyết định số 1207/QĐ-BYT thực hiện:

- Khẩn trương triển khai điều trị VGC cho người bệnh đồng nhiễm HIV/VGC theo quy định tại Quyết định số 1207/QĐ-BYT. Quyết định số 1207/QĐ-BYT gửi kèm.

- Thông báo bằng văn bản cho cơ quan Bảo hiểm xã hội về việc cung cấp dịch vụ điều trị viêm gan C cho người bệnh đồng nhiễm HIV/VGC, trong đó Dự án Quỹ toàn cầu hỗ trợ thuốc điều trị viêm gan C. Các dịch vụ điều trị viêm gan vi rút C khác do Quỹ Bảo hiểm y tế hoặc người bệnh tự chi trả.

- Cung cấp thuốc điều trị VGC miễn phí cho người bệnh đồng nhiễm HIV/VGC đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Quyết định số 1207/QĐ-BYT, quản lý sử dụng thuốc đúng quy định, không để xảy ra tình trạng thất thoát thuốc.

- Tổng kết kết quả điều trị viêm gan vi rút C cho người bệnh đồng nhiễm HIV/VGC theo mẫu tại Phụ lục 2 đính kèm.

- Lập sổ theo dõi điều trị viêm gan vi rút C theo mẫu tại Phụ lục 3

- Báo cáo tình hình điều trị viêm gan vi rút C định kỳ hằng tháng theo mẫu tại Phụ lục 4A tình hình sử dụng, tồn kho thuốc VGC theo Phụ lục số 6 gửi Trung

tâm kiểm soát bệnh tật/Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS/Bệnh viện Bệnh nhiệt đới tỉnh/thành phố để tổng hợp gửi Cục Phòng, chống HIV/AIDS trước ngày 05 của tháng kế tiếp.

- Thực hiện thanh quyết toán thuốc điều trị viêm gan vi rút C và thanh toán phần cùng chi trả các xét nghiệm tải lượng vi rút viêm gan C do Dự án Quỹ toàn cầu tài trợ theo quy định tại Quyết định số 1207/QĐ-BYT.

2. Giao Trung tâm kiểm soát bệnh tật/Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS/Bệnh viện Bệnh nhiệt đới tỉnh/thành phố thực hiện:

- Chủ động kiểm tra giám sát, hỗ trợ kỹ thuật điều trị VGC kịp thời tại các cơ sở y tế.

- Gửi Cục Phòng, chống HIV/AIDS báo cáo tổng hợp tình hình điều trị viêm gan vi rút C của tất cả các cơ sở y tế điều trị VGC trên địa bàn theo Phụ lục 4B, báo cáo tình hình điều trị, sử dụng và tồn kho thuốc điều trị VGC của từng cơ sở y tế trước ngày 10 của tháng kế tiếp.

- Thông báo bằng văn bản về Cục Phòng, chống HIV/AIDS các cơ sở y tế mới trên địa bàn đáp ứng tiêu chí điều trị viêm gan vi rút C theo quy định tại Quyết định số 1207/QĐ-BYT kèm theo kế hoạch tiếp nhận thuốc của cơ sở về Cục Phòng, chống HIV/AIDS để được điều phối, cung cấp thuốc.

- Tổng hợp, báo cáo quyết toán sử dụng thuốc viêm gan vi rút C hàng quý và đề nghị thanh toán phần cùng chi trả các xét nghiệm tải lượng vi rút viêm gan C của các cơ sở y tế theo quy định tại Quyết định số 1207/QĐ-BYT.

Các vướng mắc trong quá trình triển khai đề nghị thông báo về Cục Phòng chống HIV/AIDS để thống nhất giải quyết. Chuyên viên liên hệ: BS. Trần Anh Dũng, điện thoại 0986.028.087, email: dungvaac88@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Theo danh sách;
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Ban quản lý các dự án PC HIV/AIDS (để thực hiện);
- Lưu: VT, VPC, ĐT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Phan Thị Thu Hương

Danh sách gửi công văn

(Đính kèm theo công văn số /AIDS-ĐT ngày tháng 3 năm 2021)

I. Danh sách gửi Sở Y tế và Trung tâm kiểm soát bệnh tật các tỉnh/thành phố:

1. An Giang
2. Bình Dương
3. Bà Rịa Vũng Tàu
4. Bắc Giang
5. Bắc Ninh
6. Cần Thơ
7. Cà Mau
8. Đồng Nai
9. Đồng Tháp
10. Điện Biên
11. Hà Nội
12. Hải Dương
13. Hải Phòng
14. Khánh Hòa
15. Kiên Giang
16. Lai Châu
17. Lào Cai
18. Long An
19. Nam Định
20. Nghệ An
21. Ninh Bình
22. Phú Thọ
23. Quảng Ninh
24. Sơn La
25. Sóc Trăng
26. Tây Ninh
27. Thái Bình
28. Thái Nguyên
29. Thanh Hóa
30. TP Hồ Chí Minh
31. Vĩnh Phúc
32. Yên Bái

II. Danh sách gửi các đơn vị khác:

1. Bệnh viện Nhiệt đới Hải Dương
2. Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS Hải Phòng

Phụ lục 1

Chỉ tiêu Kế hoạch điều trị viêm gan vi rút C trên người bệnh đồng nhiễm HIV/viêm gan vi rút C do Dự án Quỹ toàn cầu phòng, chống AIDS, Lao và Sốt rét tài trợ cho 32 tỉnh/thành phố

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1207/QĐ-BYT ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Bộ Y tế)

STT	Tỉnh	Chỉ tiêu điều trị đồng nhiễm viêm gan vi rút C trên bệnh nhân nhiễm HIV	Ghi chú
1	An Giang	200	
2	Bình Dương	800	
3	Bà Rịa Vũng Tàu	300	
4	Bắc Giang	150	
5	Bắc Ninh	160	
6	Cần Thơ	600	
7	Cà Mau	200	
8	Đồng Nai	880	
9	Đồng Tháp	50	
10	Điện Biên	820	
11	Hà Nội	1.300	
12	Hải Dương	200	
13	Hải Phòng	1.000	
14	Khánh Hòa	20	
15	Kiên Giang	250	
16	Lai Châu	370	
17	Lào Cai	390	
18	Long An	270	
19	Nam Định	200	
20	Nghệ An	650	
21	Ninh Bình	200	
22	Phú Thọ	250	
23	Quảng Ninh	900	
24	Sơn La	360	
25	Sóc Trăng	60	
26	Tây Ninh	450	
27	Thái Bình	240	
28	Thái Nguyên	1.000	
29	Thanh Hóa	600	
30	TP Hồ Chí Minh	2.800	
31	Vĩnh Phúc	50	
32	Yên Bái	280	
Tổng		16.000	

Phụ lục 2
PHIẾU TỔNG KẾT ĐIỀU TRỊ VIÊM GAN VI RÚT C (VGC)

TRÊN NGƯỜI BỆNH ĐỒNG NHIỄM HIV/VGC

Mã bệnh án: _____

Họ tên người bệnh: _____ Nam Nữ Năm sinh: _____

Nhóm nguy cơ: Người tiêm chích ma túy Nam quan hệ tình dục đồng giới
 Phụ nữ bán dâm Khác: _____

I. Sàng lọc trước điều trị VGC

1. Điều trị HIV

- 1.1. Ngày bắt đầu điều trị ARV: _____
- 1.2. Phác đồ thuốc ARV:
- Trước điều trị VGC: _____
- Khi điều trị VGC: _____
- 1.3. CD4 trong vòng 12 tháng qua: _____
Ngày XN _____
- 1.4. Tải lượng HIV gần nhất trong vòng 12 tháng qua (bản sao/mm³): _____
Ngày XN: _____

2. Xét nghiệm/chỉ số tại thời điểm sàng lọc:

- Creatinin: _____
- Mức lọc cầu thận: _____
- ALT (hoặc SGPT): _____
- AST (hoặc SGOT): _____
- HBsAg: Dương tính Âm tính
Ngày XN: _____
- Có thai: Có Không

Chẩn đoán VGC

1. Xét nghiệm tải lượng HCV RNA (IU/ml): _____
Xét nghiệm chẩn đoán VGC khác (nếu có): _____
Ngày làm XN: _____
2. Mức độ xơ hóa gan:
 F0 F1 F2 F3 F4
 Không xơ gan Xơ gan còn bù
 Xơ gan mất bù

II. Theo dõi điều trị viêm gan vi rút C:

1. Ngày bắt đầu điều trị: _____
2. Phác đồ: _____
3. Thời gian điều trị: 12 tuần 24 tuần
4. Tác dụng phụ:
 Không
 Có (ghi rõ tác dụng phụ) _____
5. Ngày kết thúc điều trị: _____
6. Ngày chuyển đi (nếu có): _____
7. Ngày chuyển đến (nếu có): _____

8. Ngừng điều trị, nêu rõ lý do:
Ngày ngừng điều trị: _____
Lý do ngừng: _____
 Tác dụng phụ Khác, nêu rõ
 Tử vong
9. Tải lượng HCV RNA tuần 12 sau kết thúc ĐT (SVR12): Kết quả: _____
Ngày XN: _____
Không làm (nêu rõ lý do): _____

III. Kết quả điều trị:

1. Hoàn thành điều trị:
 Đáp ứng vi rút bền vững (khỏi bệnh) Thất bại điều trị Chưa làm/không làm xét nghiệm SVR12
2. Không hoàn thành điều trị: Lý do không hoàn thành
3. Hướng theo dõi tiếp theo: _____

Ngàytháng..... năm.....

Bác sỹ điều trị ký tên

Phụ lục
Hướng dẫn theo dõi và báo cáo điều trị Viêm gan vi rút C (VGC) trên bệnh nhân đồng nhiễm HIV/VGC

(Đính kèm theo công văn số /AIDS-ĐT ngày tháng 3 năm 2021)

I. Báo cáo điều trị VGC:

- Các cơ sở điều trị VGC ghi đầy đủ thông tin (nếu có) vào phiếu tổng kết điều trị tại Phụ lục 2. Phiếu tổng kết được dán vào bệnh án khi bệnh nhân được chẩn đoán Viêm gan vi rút C.
- Các cơ sở điều trị VGC sử dụng sổ theo dõi bệnh nhân đồng nhiễm HIV/VGC tại Phụ lục 3 để theo dõi quá trình điều trị VGC tại cơ sở. Các thông tin trong sổ theo dõi được lấy từ bệnh án và phiếu tổng kết ở Phụ lục 2.
- Các cơ sở sử dụng sổ theo dõi bệnh nhân đồng nhiễm HIV/VGC tại Phụ lục 3 và bệnh án để điền đầy đủ thông tin vào báo cáo điều trị VGC tại Phụ lục 4A, và gửi báo cáo định kỳ trước ngày 05 hàng tháng cho cơ quan đầu mối phòng chống HIV/AIDS tuyến tỉnh
- Định kỳ trước ngày 10 hàng tháng, cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tuyến tỉnh tổng hợp và gửi báo cáo tình hình điều trị theo mẫu tại Phụ lục 4B về Cục Phòng, chống HIV/AIDS

II) Lập kế hoạch tiếp nhận thuốc, báo cáo thuốc VGC:

- Định kỳ trước ngày 05 tháng đầu của quý, cơ sở điều trị VGC gửi báo cáo sử dụng, tồn kho thuốc tại cơ sở điều trị theo mẫu tại Phụ lục 6 và lập kế hoạch tiếp nhận thuốc theo mẫu tại Phụ lục 5 gửi Cơ quan đầu mối phòng chống HIV/AIDS tuyến tỉnh.
- Định kỳ trước ngày 10 tháng đầu của quý, cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tuyến tỉnh tổng hợp báo cáo sử dụng, tồn kho thuốc của các cơ sở điều trị theo mẫu tại Phụ lục 6 và tổng hợp kế hoạch tiếp nhận thuốc của các cơ sở điều trị theo mẫu tại Phụ lục 7 gửi Cục Phòng, chống HIV/AIDS. Kế hoạch tiếp nhận thuốc theo mẫu tại Phụ lục 5 của từng cơ sở điều trị kèm tổng hợp kế hoạch tiếp nhận của cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tuyến tỉnh được gửi về Cục Phòng, chống HIV/AIDS để rà soát.
- Định kỳ hàng tháng các cơ sở điều trị VGC cập nhật số liệu sử dụng, tồn kho thuốc trên bộ công cụ quản lý thuốc điều trị VGC.
- Cơ sở điều trị VGC sử dụng “Sổ theo dõi cấp phát thuốc” theo mẫu tại Phụ lục 8 để quản lý lượng thuốc đã cấp cho bệnh nhân.

HƯỚNG DẪN ĐIỀN THÔNG TIN SỔ THEO DÕI BỆNH NHÂN ĐỒNG NHIỄM HIV/VGC TẠI PHỤ LỤC 3

Mỗi bệnh nhân điều trị đồng nhiễm HIV/VGC được ghi nhận vào 01 dòng trong sổ. Hướng dẫn ghi nhận các thông tin trong từng cột được nêu dưới đây:

- (1) TT: Số thứ tự
- (2) Mã bệnh án: Sử dụng mã bệnh án trùng với mã bệnh án điều trị ARV
- (3) Họ và tên bệnh nhân: Ghi đầy đủ thông tin họ tên bệnh nhân
- (4) Năm sinh: Nhập năm sinh của bệnh nhân
- (5) Giới tính khi sinh (theo giấy tờ tùy thân): Ghi mã hóa theo thông tin:
 1. Nam
 2. Nữ
- (6) Đối tượng nguy cơ: Lựa chọn 01 loại đối tượng theo đánh giá là nguy cơ cao nhất:
 1. Người tiêm chích ma túy
 2. Nam quan hệ tình dục đồng giới
 3. Phụ nữ bán dâm
 4. KhácNếu không phải là đối tượng nguy cơ thì để trống
- (7) Ngày xét nghiệm HCV RNA/HCV cAg : Điền rõ ngày tháng lấy mẫu xét nghiệm
- (8) Kết quả xét nghiệm HCV RNA hoặc HCV cAg: ghi rõ kết quả tải lượng HCV (ghi rõ IU/ml) hoặc định tính HCV RNA (+) hoặc phát hiện kháng nguyên lõi HCVcAg (+)
- (9) Phác đồ điều trị ARV trước khi điều trị VGC: ghi rõ phác đồ
- (10) Phác đồ điều trị ARV khi bắt đầu điều trị VGC: ghi rõ phác đồ
- (11) Tải lượng HIV gần nhất trong vòng 12 tháng:
- (12) Số lượng CD4 gần nhất trong 12 tháng:
- (13) Ngày bắt đầu điều trị VGC: ghi rõ ngày tháng năm
- (14) Ngày bệnh nhân chuyển tới điều trị VGC: ghi rõ ngày tháng năm
- (15) Ngày bệnh nhân chuyển đi cơ sở điều trị khác: ghi rõ ngày tháng năm
- 16) Ngày kết thúc liệu trình điều trị VGC: ghi rõ ngày tháng năm bệnh nhân điều trị đủ 12 hoặc 24 tuần
- (17) Ngày xét nghiệm tải lượng HCV RNA - SVR12 sau 12 tuần kể từ ngày kết thúc liệu trình điều trị: ghi rõ ngày lấy mẫu xét nghiệm.

(18) Kết quả xét nghiệm tải lượng HCV RNA - SVR12 (IU/ml): Ghi rõ kết quả xét nghiệm tải lượng SVR12 để giúp đánh giá kết quả điều trị

(19) Ngày ngừng điều trị: ghi rõ ngày tháng. Với bệnh nhân bỏ trị thì tính từ ngày thứ 30 bệnh nhân không quay trở lại hẹn khám

(20) Lý do ngừng điều trị : ghi rõ kết quả theo mã hóa sau

1. Tác dụng phụ

2. Bỏ trị vì lý do khác (bỏ trị được tính từ ngày thứ 31 bệnh nhân không quay lại kể từ ngày hẹn tái khám)

3. Tử vong

(21) Ngày điều trị lại: ghi rõ ngày bệnh nhân quay trở lại điều trị sau khi ngừng điều trị

(22) Kết quả điều trị VGC: Ghi các thông tin theo mã hóa sau:

1. Đáp ứng vi rút bền vững (khỏi bệnh)

2. Thất bại điều trị

(23) Ghi chú: Ghi lại các thông tin bất thường, cần lưu ý trong điều trị VGC cho bệnh nhân

Phụ lục 4A

(Đính kèm theo công văn số /AIDS-ĐT ngày tháng 3 năm 2021)

Tỉnh, TP:.....

Cơ sở điều trị:.....

Địa chỉ:.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐIỀU TRỊ VIÊM GAN VI RÚT C (VGC)

Tháng năm

TT	Nội dung báo cáo điều trị VGC	Na m	Nữ	Ghi chú
I	Điều trị VGC			
1	Số bệnh nhân được chẩn đoán đồng nhiễm HIV/VGC đến cuối kỳ báo cáo			
2	Số bệnh nhân đang điều trị VGC đến cuối kỳ báo cáo trước (A)			
3	Số bệnh nhân bắt đầu điều trị VGC trong kỳ báo cáo (B) (bao gồm cả bệnh nhân điều trị lại)			
4	Số bệnh nhân chuyển tới trong kỳ báo cáo (C)			
5	Số bệnh nhân chuyển đi trong kỳ báo cáo (D)			
6	Số người ngừng điều trị tại cơ sở trong kỳ báo cáo (E=E1+E2+E3)			
6.1	Số bệnh nhân ngừng điều trị VGC do tác dụng phụ trong kỳ báo cáo (E1)			
6.2	Số bệnh nhân bỏ điều trị do nguyên nhân khác (E2)			
6.3	Số bệnh nhân tử vong (E3)			
7	Số bệnh nhân hoàn thành điều trị VGC trong kỳ báo cáo (G)			
8	Số bệnh nhân bệnh đang điều trị VGC cuối kỳ báo cáo (H= A+B+C-D-E-G)			
II	Lũy tích ngừng điều trị			
9	Lũy tích bệnh nhân ngừng điều trị do gặp tác dụng Phụ trong điều trị			
10	Lũy tích bệnh nhân ngừng điều trị do nguyên nhân khác (bao gồm cả bệnh nhân bỏ trị, tử vong, khác)			
III	Kết quả điều trị			
11	Tổng số bệnh nhân hoàn thành điều trị VGC đến cuối kỳ báo cáo			
12	Tổng số bệnh nhân hoàn thành điều trị và được làm xét nghiệm tải lượng HCV sau 12 tuần điều trị (SVR12)			
13	Tổng số bệnh nhân có SVR12 dưới ngưỡng phát hiện (khỏi bệnh)			
14	Tổng số bệnh nhân đã được điều trị VGC			

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

Hướng dẫn báo cáo điều trị Viêm gan vi rút C (VGC) tại Phụ lục 4A

Các cơ sở điều trị VGC sử dụng sổ theo dõi bệnh nhân đồng nhiễm viêm gan vi rút C tại Phụ lục 3 để nhập báo cáo (khuyến khích sử dụng sổ trên phần mềm excel). Tiến hành điền các chỉ số báo cáo theo hướng dẫn sau:

1. Số bệnh nhân được chẩn đoán đồng nhiễm HIV/HCV đến cuối kỳ báo cáo: là tất cả bệnh nhân có kết quả chẩn đoán xác định ở cột (8) tại Phụ lục 3
2. Số bệnh nhân đang điều trị VGC đến cuối kỳ báo cáo trước: là chỉ số (H) ở kỳ báo cáo trước
3. Số bệnh nhân bắt đầu điều trị VGC trong kỳ báo cáo (B) (bao gồm cả bệnh nhân điều trị lại): tất cả bệnh nhân có ngày trong kỳ báo cáo bắt đầu điều trị và điều trị lại trong tháng báo cáo tại cột (13) và cột (21) Phụ lục 3
4. Số bệnh nhân chuyển đến trong kỳ báo cáo (C): tất cả bệnh nhân có ngày trong kỳ báo cáo chuyển tới trong tháng báo cáo tại cột (14) Phụ lục 3
5. Số bệnh nhân chuyển đi trong kỳ báo cáo (D): tất cả bệnh nhân có ngày trong kỳ báo cáo chuyển đi trong tháng báo cáo tại cột (15) Phụ lục 3
6. Số người ngừng điều trị tại cơ sở trong kỳ báo cáo: tất cả bệnh nhân có ngày trong kỳ báo cáo ngừng điều trị trong tháng báo cáo tại cột (19) Phụ lục 3
 - 6.1 Số bệnh nhân ngừng do tác dụng Phụ trong kỳ báo cáo (E1): tất cả bệnh nhân có ngày ngừng trong kỳ báo cáo điều trị trong tháng báo cáo tại cột (19) Phụ lục 3 và chỉ số mã hóa là “1” tại cột (20) Phụ lục 3
 - 6.2 Số bệnh nhân bỏ điều trị do nguyên nhân khác (E2): tất cả bệnh nhân có ngày trong kỳ báo cáo ngừng điều trị trong tháng báo cáo tại cột (19) Phụ lục 3 và chỉ số mã hóa là “2” tại cột (20) Phụ lục 3
 - 6.3 Số bệnh nhân tử vong (E3): tất cả bệnh nhân có ngày trong kỳ báo cáo ngừng điều trị trong tháng báo cáo tại cột (19) Phụ lục 3 và chỉ số mã hóa là “3” tại cột (20) Phụ lục 3
7. Số bệnh nhân hoàn thành điều trị VGC trong kỳ báo cáo (G): tất cả bệnh nhân có ngày trong kỳ báo cáo ngừng điều trị trong tháng báo cáo tại cột (16) Phụ lục 3
8. Số bệnh nhân bệnh đang điều trị VGC cuối kỳ báo cáo: thực hiện theo công thức $(H = A+B+C-D-E-G)$
9. Lũy tích bệnh nhân ngừng điều trị do gặp tác dụng Phụ trong điều trị: tất cả bệnh nhân có ngày ngừng điều trị tại cột (19) Phụ lục 3 và chỉ số mã hóa là “1” tại cột (20) Phụ lục 3

10. Lũy tích bệnh nhân ngừng điều trị do nguyên nhân khác (bao gồm cả bệnh nhân bỏ trị, tử vong, khác): tổng số bệnh nhân có ngày ngừng điều trị tại cột (19) Phụ lục 3 và chỉ số mã hóa là “2” “3” tại cột (20) Phụ lục 3
11. Tổng số bệnh nhân hoàn thành điều trị VGC đến cuối kỳ báo cáo: tất cả bệnh nhân có ngày kết thúc liệu trình điều trị VGC tại cột (16) Phụ lục 3
12. Tổng số bệnh nhân được làm xét nghiệm Tải lượng HCV sau 12 tuần hoàn thành điều trị VGC (SVR12): tất cả bệnh nhân có ngày xét nghiệm tải lượng HCV- SVR12 tại cột (17) Phụ lục 3
13. Tổng số bệnh nhân điều trị khỏi VGC: tất cả bệnh nhân chỉ số mã hóa là “1” tại cột (22) Phụ lục 3
14. Tổng số bệnh nhân đã được điều trị VGC: tất cả bệnh nhân có ngày bắt đầu điều trị tại cột (13) Phụ lục 3

Phụ lục 4B

(Đính kèm theo công văn số /AIDS-ĐT ngày tháng 3 năm 2021)

Tỉnh, TP:.....

Tên đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐIỀU TRỊ VIÊM GAN VI RÚT C (VGC)
TẠI TUYẾN TỈNH/ THÀNH PHỐ**

Tháng năm

TT	Nội dung báo cáo điều trị VGC	CSĐT 1		CSĐT 2		Tổng		Ghi chú
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	
I	Điều trị VGC							
1	Số bệnh nhân được chẩn đoán đồng nhiễm HIV/VGC đến cuối kỳ báo cáo							
2	Số bệnh nhân đang điều trị VGC đến cuối kỳ báo cáo trước (A)							
3	Số bệnh nhân bắt đầu điều trị VGC trong kỳ báo cáo (B) (bao gồm cả bệnh nhân điều trị lại)							
4	Số bệnh nhân chuyển tới trong kỳ báo cáo (C)							
5	Số bệnh nhân chuyển đi trong kỳ báo cáo (D)							
6	Số người ngừng điều trị tại cơ sở trong kỳ báo cáo (E=E1+E2+E3)							
6.1	Số bệnh nhân ngừng điều trị VGC do tác dụng phụ trong kỳ báo cáo (E1)							
6.2	Số bệnh nhân bỏ điều trị do nguyên nhân khác (E2)							
6.3	Số bệnh nhân tử vong (E3)							
8	Số bệnh nhân bệnh đang điều trị VGC cuối kỳ báo cáo (H= A+B+C-D-E-G)							
II	Lũy tích ngừng điều trị							
9	Lũy tích bệnh nhân ngừng điều trị do gặp tác dụng Phụ trong điều trị							
10	Lũy tích bệnh nhân ngừng điều trị do nguyên nhân khác (bao gồm cả bệnh nhân bỏ trị, tử vong, khác)							
III	Kết quả điều trị							
11	Tổng số bệnh nhân hoàn thành điều trị VGC đến cuối kỳ báo cáo							
12	Tổng số bệnh nhân hoàn thành điều trị và được làm xét nghiệm tải lượng HCV sau 12 tuần điều trị (SVR12)							
13	Tổng số bệnh nhân có SVR12 dưới ngưỡng phát hiện (khỏi bệnh)							
14	Tổng số bệnh nhân đã được điều trị VGC							

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**

Phụ lục 5

(Đính kèm theo công văn số /AIDS-ĐT ngày tháng 3 năm 2021)

Tỉnh, TP:.....

Tên đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

KẾ HOẠCH TIẾP NHẬN THUỐC

Quý/20...

TT	Tên thuốc	Số lượng theo kế hoạch năm (lọ)	Số lượng lũy tích từ đầu năm (lọ)			Số lượng đề nghị cấp (lọ)	Ước tính số bệnh nhân nhận thuốc trong quý ... (người)
			Đã tiếp nhận	Đã sử dụng cho bệnh nhân	Điều chuyển, thu hồi		
1	Sofosbuvir 400mg						
2	Daclatasvir 60mg						

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

Phụ lục 6*(Đính kèm theo công văn số /AIDS-ĐT ngày tháng 3 năm 2021)**Tỉnh, TP:**Tên đơn vị:**Địa chỉ:***BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VÀ TỒN KHO THUỐC HÀNG THÁNG**

Từ ngày/..../20... đến ngày/..../20...

STT	Tên thuốc	Nguồn thuốc	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Lô sản xuất	Hạn sử dụng	Nhóm TCKT	Số lượng (viên)						Ghi chú	
								Tồn đầu kỳ	Nhập định kỳ	Nhập khác	Xuất cho NB/KH trong kỳ	Xuất điều chuyển trong kỳ	Hư hao		Tồn cuối kỳ
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14=8+9+10-11-12-13)	(15)

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**

Phụ lục 7

(Đính kèm theo công văn số /AIDS-ĐT ngày tháng 3 năm 2021)

Tỉnh, TP:.....

Cơ sở điều trị:.....

Địa chỉ:.....

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH TIẾP NHẬN THUỐC TỈNH

Quý/20...

TT	Tên cơ sở nhận thuốc	Số lượng đề nghị cấp (lọ)	
		Sofosbuvir 400mg	Daclatasvir 60mg
1	Cơ sở số 1		
2	Cơ sở số 2		
...	Cơ sở số		
	Tổng cộng		

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

Phụ lục 8

(Đính kèm theo công văn số /AIDS-ĐT ngày tháng 3 năm 2021)

Tỉnh, TP:

Cơ sở điều trị:

Địa chỉ:

SỔ THEO DÕI CẤP PHÁT THUỐC

TT	Mã bệnh án	Họ và tên bệnh nhân	Địa chỉ	Số CMT/CCCD	Ngày lĩnh thuốc	*Lần tái khám	Số thuốc cấp (lọ)		Tên người phát thuốc
							Sofosbuvir 400mg	Daclatasvir 60mg	

Ghi chú:

*Lần tái khám: Lần đầu số 1; Lần hai số 2; Lần ba số 3

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ